

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật hoá học
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật hoá học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 21 ngày 21 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật hoá học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật hoá học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật hoá học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 45 tiêu chí (chiếm 90%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật hoá học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật hoá học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH SPKT Hưng Yên;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật hoá học
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

(Kèm theo Nghị quyết số 95/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/8/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8		4,00	5	100
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 9		4,00	4	80
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	3			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80,00	Tiêu chí 9.4	5			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		4,17	6	100
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6		4,29	7	100	Tiêu chí 10.4	5			
Tiêu chí 6.1	5				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11		4,20	5	100
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	5			
Tiêu chí 6.7	5				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
4,00	45	90



Phụ lục II KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

**Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật hoá học
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên**
(Kèm theo Nghị quyết số 95/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/8/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật hoá học (CNKTHH) của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT đã nêu được cụ thể, rõ ràng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được rà soát.

2. Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung theo quy định, và được rà soát, điều chỉnh, cập nhật trong giai đoạn đánh giá. Đề cương chi tiết các học phần có đầy đủ nội dung thông tin theo quy định mẫu chung của Nhà trường, được rà soát, đánh giá. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được công khai với nhiều hình thức khác nhau giúp các bên liên quan tiếp cận khá dễ dàng, giúp các bên liên quan tiếp cận thuận tiện.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của sinh viên được xác định và thể hiện rõ ở từng học phần. CTĐT được rà soát, tham khảo ý kiến các bên liên quan và các CTĐT của các trường đại học khác bảo đảm tính linh hoạt và cập nhật.

4. Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố chính thức, được giải thích rõ ràng, giúp giảng viên và sinh viên hiểu rõ để vận dụng. Giảng viên sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy có ứng dụng công nghệ trong các hoạt động dạy học. Hoạt động tự học được quy định, hướng dẫn đầy đủ. Các phương pháp giảng dạy, giúp người học dễ tiếp thu kiến thức, tạo động lực học tập cho người học thúc đẩy năng lực tự học và học tập suốt đời.

5. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học được quy định rõ ràng, được hướng dẫn cụ thể trong việc thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp với hình thức kiểm tra đánh giá. Các tài liệu/hướng dẫn đánh giá kết quả học tập của người học có đầy đủ nội dung cụ thể theo quy định và được công khai, phổ biến tới người học với nhiều hình thức trước mỗi kỳ học. Giảng viên sử dụng nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá khác nhau. Quy định về phản hồi kết quả đánh giá có đầy đủ các nội dung cụ thể, được công khai tới giảng viên và

người học kịp thời. Kết quả đánh giá được phổ biến tới người học kịp thời, đúng theo quy định và được người học đánh giá tốt. Quy định về khiếu nại kết quả đánh giá có các nội dung cụ thể, rõ ràng. Tỷ lệ người học có đơn xin phúc khảo bài thi, khiếu nại kết quả đánh giá thấp.

6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được quy hoạch phát triển theo Chiến lược phát triển Trường trong từng giai đoạn. Tỷ lệ giảng viên đạt học vị tiến sĩ của ngành CNKTHH vượt xa chỉ tiêu được xác định trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn 2045. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi bảo đảm đúng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khối lượng công việc của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, quy đổi ra số giờ chuẩn làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại. Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và đánh giá theo các quy định của Nhà trường. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên được thực hiện theo kế hoạch hằng năm. Loại hình, số lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên được quy định cụ thể. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp cấp Bộ/Tỉnh, và cấp Trường, công bố một số bài báo trên tạp chí WoS/Scopus và tạp chí chuyên ngành trong nước, biên soạn và xuất bản một số giáo trình, sách chuyên khảo và tài liệu tham khảo. Điểm vượt trội ở kết quả nghiên cứu khoa học được thể hiện ở tỷ lệ công bố khoa học và công trình ứng dụng khoa học trong mỗi năm của giảng viên là 2,5 công bố khoa học/giảng viên; số công bố WoS/Scopus trên giảng viên là 0,65 bài/giảng viên.

7. Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện dựa trên dự báo nhu cầu thực tế trong hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ đáp ứng yêu cầu công việc được giao, góp phần hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Các văn bản quy định về tuyển dụng, chuyển đổi vị trí công tác được ban hành với các tiêu chí rõ ràng, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, được phổ biến rộng rãi, công bố công khai. Quy định, hướng dẫn đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được xây dựng đầy đủ, được sử dụng trong việc đánh giá chất lượng lao động hàng tháng, tiêu chí xếp loại chất lượng viên chức và người lao động hàng năm. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ được triển khai dựa trên nhu cầu thực tiễn của các đơn vị, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ nhân viên. Việc quản trị theo kết quả công việc được thực hiện có hệ thống, làm căn cứ cho công tác đánh giá, xét thi đua khen thưởng.

8. Nhà trường có chính sách, quy định, tiêu chí, phương thức tuyển sinh rõ ràng, đúng quy định, được rà soát, điều chỉnh và công bố công khai hàng năm. Hoạt động tư vấn tuyển sinh được tiến hành đa dạng về hình thức. Nhà trường có văn bản quy định, phân công bộ phận/cán bộ chuyên trách giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của sinh viên, tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, tư vấn việc làm cho sinh viên. Đặc biệt, Nhà trường đã ban hành văn bản Quy định về theo dõi và giám sát sự tiến bộ của người học tại trường và thành lập Bộ phận tư vấn, hỗ trợ người học; có hướng dẫn cụ thể các bước trong việc theo dõi và

giám sát sự tiến bộ của người học cho giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập và việc giữ liên lạc với gia đình sinh viên của chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập đã giúp việc giám sát, hỗ trợ sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên thêm chặt chẽ, kịp thời. Các hoạt động ngoại khóa, hoạt động hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho sinh viên được triển khai đa dạng, phong phú. Đặc biệt, giảng viên Khoa Cơ khí hỗ trợ, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, tham gia cuộc thi Olympic, khởi nghiệp sáng tạo đạt được thành tích cao. Môi trường cảnh quan sạch sẽ, môi trường học tập, làm việc an toàn, thân thiện đáp ứng tốt cho hoạt động học tập, sinh hoạt của sinh viên. Sinh viên, cựu sinh viên hài lòng với dịch vụ hỗ trợ, cảnh quan và môi trường tâm lý, xã hội.

9. Trường/Khoa có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, và các phòng họp trực tuyến, phòng học thông minh, cùng các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trung tâm Thông tin - Thư viện cung cấp các tiện ích đọc, mượn, tự học cho bạn đọc, và được quản lý bởi phần mềm tin học. sinh viên được cung cấp đầy đủ, đa dạng các loại phòng thí nghiệm, phòng thực hành chuyên dụng, với trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống CNTT phát triển đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Trường chú trọng thực hiện nhiều hoạt động về môi trường, sức khỏe và an toàn như vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, giảng viên, sinh viên, tập huấn phòng cháy chữa cháy, bảo vệ trật tự an ninh, an toàn xã hội.

10. Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển chương trình dạy học/CTĐT; có quy định việc rà soát, đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học nhằm bảo đảm sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Giảng viên của Khoa tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có một số nghiên cứu ứng dụng vào giảng dạy cũng như cải tiến hoạt động dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định từ Ban Giám hiệu đến các cơ quan đơn vị và có đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các bên liên quan.

11. Nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo theo năm học, cơ sở dữ liệu người học, sử dụng phần mềm quản lý đào tạo theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học; thiết lập cơ sở dữ liệu thống kê, phân tích, tìm hiểu nguyên nhân của các trường hợp chậm tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên các CTĐT sau 1 năm tốt nghiệp. Dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp được cập nhật. Nội dung và hình thức nghiên cứu khoa học của sinh viên được xác định. Hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên, NH về các lĩnh vực đào tạo, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ được thực hiện.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát mục tiêu CTĐT, bổ sung định hướng ứng dụng/nghiên cứu cho CTĐT, bổ mô tả vị trí việc làm trong mục tiêu chung; rà soát, điều chỉnh xác định mức độ người học đạt được của CTĐT và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam; rà soát, khái quát hóa các chuẩn đầu ra và tuân thủ nguyên tắc SMART hoặc Thông tư số 17/2021 TTBGDDĐT ngày 22/6/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phân biệt rõ chuẩn đầu ra về kỹ năng với chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm.

2. Rà soát đề cương chi tiết các học phần, bổ sung đầy đủ thông tin còn thiếu; rà soát, đánh giá phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần; đánh giá tính hiệu quả của các hình thức công khai bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần để có kế hoạch cải tiến kịp thời.

3. Rà soát, đánh giá mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát chuẩn đầu ra của các học phần; xác định tổ hợp các hoạt động kiểm tra đánh giá trong CTĐT một cách phù hợp, giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình dạy học; bổ sung thời lượng các học hỗ trợ về kỹ năng mềm, năng lực số; tín chỉ thực hành ở chương trình dạy học; kỹ năng khởi nghiệp, sáng tạo, nghiên cứu, truyền bá, phổ biến kiến thức.

4. Định kỳ tổ chức hướng dẫn cụ thể và có cơ chế giám sát cách thức thực hiện triết lý giáo dục nhằm giúp người học, giảng viên thực hiện triết lý giáo dục; ban hành quy định cụ thể về hình thức làm việc nhóm vào các học phần của CTĐT để hình thành kỹ năng làm việc nhóm; quy định về việc sử dụng hệ thống LMS trong hoạt động dạy học và đánh giá hoạt động tự học của người học; tập huấn cho đội ngũ giảng viên trong việc áp dụng phương thức E-learning, phương pháp giảng dạy tích cực và các mô hình dạy học giúp người học có năng lực học tập suốt đời.

5. Đánh giá sự phù hợp của các phương pháp kiểm tra đánh giá với mục đích và hình thức đánh giá giúp giảng viên thiết kế được các phương thức kiểm tra đánh giá thích hợp để đánh giá mức độ đạt được mỗi chuẩn đầu ra của học phần; đánh giá các văn bản quy định liên quan đến công tác kiểm tra đánh giá nhằm hoàn thiện phù hợp với yêu cầu thực tế; xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn đánh giá độ giá trị và độ tin cậy của các phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm chuẩn hóa các phương pháp kiểm tra đánh giá; rà soát, đánh giá mức độ phù hợp với chuẩn đầu ra của các phương pháp kiểm tra đánh giá; xây dựng quy

trình phức khảo điểm bài thi, kết quả đánh giá cho từng hình thức kiểm tra đánh giá giúp nâng cao trách nhiệm của đơn vị và cá nhân có liên quan, giúp cho công tác giám sát hoạt động này được hiệu quả.

6. Khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo để xây dựng dự báo phát triển đội ngũ giảng viên; khuyến khích giảng viên là tiến sĩ đăng ký chức danh giáo sư, phó giáo sư để đáp ứng với Chiến lược phát triển của Trường; xây dựng phần mềm tổng thể giúp cho việc quản lý, giám sát, đánh giá thực hiện khối lượng công việc của phù hợp với xu thế về chuyển đổi số; bổ sung nhiệm vụ phục vụ cộng đồng vào quy định chế độ làm việc của giảng viên; bồi dưỡng, phát triển năng lực thiết kế, phát triển và thực hiện CTĐT, lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT; đánh giá hiệu quả sau đào tạo để bảo đảm các kỹ năng mới được áp dụng vào quá trình giảng dạy và cải tiến CTĐT; rà soát, bổ sung các tiêu chí đánh giá kết quả công việc dựa trên việc đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên trong đó có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng và phục vụ cộng đồng; ban hành bộ chỉ số đánh giá chất lượng công việc KPIs cho giảng viên nhằm quản trị tốt kết quả công việc; quan tâm đăng ký đề tài Nafosted, phát triển đề tài hợp tác quốc tế, đăng ký sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm khoa học công nghệ.

7. Thiết lập công cụ và quy trình phân tích (dựa trên số liệu thống kê, dự báo xu hướng đào tạo, quy mô sinh viên, ...) để làm cơ sở xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên phù hợp với định hướng chuyển đổi số và phát triển bền vững; định kỳ rà soát và cập nhật khung năng lực theo Đề án vị trí việc làm, bảo đảm phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn phát triển; xây dựng công cụ hỗ trợ chuyên nghiệp hơn trong việc đánh giá công việc của đội ngũ nhân viên trên cơ sở xây dựng bộ tiêu chí đánh giá có tính định lượng về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo vị trí công việc; tổ chức đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, trung hạn trên cơ sở năng lực cần có của từng vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, đáp ứng với mục tiêu chiến lược và sứ mạng của Trường; cải tiến biểu mẫu về phân công nhiệm vụ của các đơn vị, bổ sung các yêu cầu về chất lượng, tiến độ công việc để giám sát, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc cụ thể, rõ ràng hơn.

8. Khảo sát, dự báo nhu cầu đào tạo cơ sở cho việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh nói riêng, chính sách tuyển sinh; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, bổ sung tính năng cảnh báo học vụ tự động để cảnh báo sớm và kịp thời đến cố vấn học tập và sinh viên; tăng cường số lượng và chất lượng hoạt động hỗ trợ việc làm, kết nối với doanh nghiệp, mở rộng mạng lưới kết nối với các cơ sở sử dụng lao động, với cựu sinh viên; thúc đẩy triển khai hoạt động hỗ trợ tâm lý, sức khỏe tâm thần cho sinh viên; tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm cho người học theo quy định; sớm cải tạo cảnh quan khu vực ký túc xá; định kỳ hàng năm khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về chất lượng dịch vụ hỗ trợ, tư vấn học tập và việc làm, môi trường tâm lý; kết quả khảo sát cần chia theo CTĐT, theo khóa học.

9. Xây dựng tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích và trang thiết bị chuyên dụng đáp ứng quy định của Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT. Ban hành quy định phối hợp giữa các đơn vị đào tạo với thư viện để cập nhật tài liệu; phát triển nguồn nhân lực quản lý thư viện số; xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị thực hành đáp ứng Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT và đánh giá dựa theo bộ tiêu chuẩn này; tiếp tục đầu tư, nâng cấp trang thiết bị bảo đảm số lượng, chất lượng, và sự đồng bộ; đầu tư, bổ sung các điểm Wifi và tăng cường ứng dụng các phần mềm AI hỗ trợ hoạt động dạy, học và nghiên cứu của ngành; ban hành bộ tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn, điều chỉnh môi trường đáp ứng nhu cầu người khuyết tật.

10. Khảo sát lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học cùng chuyên ngành ở ngoài Trường về CTĐT; tổ chức đánh giá sự tương thích, phù hợp của phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra và tăng cường hoạt động bồi dưỡng phương pháp giảng dạy cho giảng viên; có chính sách khuyến khích giảng viên, nghiên cứu viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, kết hợp hài hòa nghiên cứu chuyên sâu chuyên ngành với nghiên cứu về phát triển chương trình dạy học, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá; tổ chức tổng kết, đánh giá công tác khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan, lưu ý tần xuất, thời điểm lấy ý kiến cho phù hợp nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động khảo sát; xây dựng kế hoạch cải tiến hàng năm sau mỗi đợt khảo sát các bên liên quan và tổ chức đánh giá hoạt động cải tiến.

11. Thực hiện đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học với các cơ sở giáo dục trong nước và khu vực có cùng CTĐT; xây dựng báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học tham gia CTĐT và đề xuất các biện pháp cải tiến phù hợp; khảo sát ý kiến phản hồi từ người học và cựu người học về tính hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ người học tốt nghiệp đúng thời gian quy định để có cơ sở tiếp tục điều chỉnh, đề xuất các giải pháp phù hợp giúp người học thực hiện hiệu quả khả năng tốt nghiệp đúng thời hạn học tập; có giải pháp cụ thể, phù hợp để lựa chọn một số cơ sở giáo dục cho hoạt động đối sánh về tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm và đối sánh về loại hình, số lượng nghiên cứu khoa học cùng ngành đào tạo, kết quả đối sánh được sử dụng để cải tiến số lượng, chất lượng nghiên cứu khoa học của người học; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng các lĩnh vực này, từng bước góp phần nâng cao chất lượng của CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật hoá học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.